TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng văn Đạo.

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Dương Mai Phương, Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường thú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Trại giam L. Địa chỉ: Huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Dương Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/4/2012. Khi lấy nhau được hơn một năm thì anh Hoàng Văn T chơi bời sử dụng trái phép chất ma túy rồi bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Lạng Sơn với thời hạn 24

tháng. Chị Dương Thị D ở nhà nuôi con một mình chờ đợi anh T cai nghiện về để cùng nhau làm ăn nuôi dậy con cái nhưng sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện anh Hoàng Văn T vẫn không chịu tu chí làm ăn, chứng nào tật đấy, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình là do anh T không tu chí làm ăn, tiếp tục sử dụng ma túy, mặc dù chị D đã khuyên bảo, tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe. Ngày 22 tháng 11 năm 2016 (Âm lịch) anh T tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Dương Thị D và anh Hoàng Văn T có một người con chung tên là Hoàng Thị Hải Y, sinh ngày 13/9/2012, hiện nay cháu Y đang ở cùng với chị D. Khi ly hôn chị Dương Thị D yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thị Hải Y đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng. Tại bản tự khai ngày 27/5/2021, anh Hoàng Văn T thừa nhận anh và chị Dương Thị D có thời gian tìm hiểu nhau rồi lấy nhau và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/4/2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống chung có hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì đến năm 2016, anh Hoàng Văn T có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam L. Hiện nay anh Hoàng Văn T xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Dương Thị D viết đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn T đồng ý ly hôn với chị Dương Thị D nhưng vì anh Hoàng Văn T đang chấp hành án nên không thể đến Tòa án được và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Dương Thị D có một người con chung tên là Hoàng Thị Hải Y, sinh ngày 13/9/2012. Khi ly hôn anh Hoàng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, Tòa án không thể mở phiên họp, hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật, chị Dương Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nhưng Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho anh Hoàng Văn T biết. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt vì đang chấp hành án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có ý kiến như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai, tham gia phiên họp và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đang chấp hành án nhưng đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, xét thấy vợ chồng chị Dương Thị D, anh Hoàng Văn T lấy nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi lấy nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, bình thường đến cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là anh T không tu trí làm ăn, ham chơi bời dẫn đến nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, chị Dương Thị D một mình nuôi con chờ anh T về cùng làm ăn nuôi dây con cái. Sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc về địa phương anh Hoàng Văn T vẫn chơi bời vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù giam, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam L. Nay chị Dương Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T, xét thấy tình cảm chị D và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, trước khi đi chấp hành án chị D có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe dẫn đến vi phạm pháp luật, từ tháng 11 năm 2016 đến nay chị D không thường xuyên đi thăm nom và gửi lưu ký cho anh Thái, không còn quan tâm gì đến anh T. Vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T; về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xin được quyền nuôi con chung là cháu Hoàng Thị Hải Y, sinh ngày 13/9/2012 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung không có nên không xem xét. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Dương Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Chị Dương Thị D có đơn yêu cầu về việc ly hôn giữa chị và anh Hoàng Văn T là đúng theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu giải quyết ly hôn của chị thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa

án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19, Tòa án không thể mở phiên họp, hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật, chị Dương Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nhưng Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị D và anh Hoàng Văn T được tìm hiểu nhau, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình**:** Chị Dương Thị D cho rằng là do anh Hoàng Văn T không tu trí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè dẫn đến nghiện ma túy, chị D đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe. Đến cuối năm 2016 thì tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam L tỉnh Bắc Giang, chị D khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy chị D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là có căn cứ: Tại bản tự khai của anh Hoàng Văn T ngày 27/5/2021, anh T thừa nhận cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì anh T có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam L; từ lúc đi cải tạo chị D bỏ mặc anh T không quan tâm đến anh T và tại bản tự khai anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Dương Thị D với anh Hoàng Văn T.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Thị Hải Y, sinh ngày 13/9/2012 và không yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị D đưa ra là có căn cứ vì chị D là người tự do có khả năng lao động, nuôi con và hiện nay cháu Y đang ở cùng với chi D để cho cháu ổn định cuộc sống ăn học và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Y là được ở với mẹ nên giao cháu Hoàng Thị Hải Y cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp; còn anh T hiện đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị D không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị D. Chị Dương Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Hải Y, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2012 cho chị Dương Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05990 ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Công Đức